TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Duy C, sinh năm: 1978
- Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1985

Cùng địa chỉ: Tổ 15, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Duy C và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện kết hôn năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 30/3/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình làm việc tại tòa, ông C, bà H đều khẳng định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình thì việc ông C, bà H thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung:

Ông Phạm Duy C và bà Phạm Thị Thu H có 02 con chung là: Phạm Thị Hiểu N, sinh ngày: 04/5/2004 và Phạm Ngọc Bảo K, sinh ngày: 15/12/2014. Ông C, bà H thống nhất giao 02 cháu: Phạm Thị Hiểu N và Phạm Ngọc Bảo K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông C cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/con/tháng đến khi con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2020.

Ông Phạm Duy C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Phạm Duy C và bà Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Duy C và bà Phạm Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Duy C và bà Phạm Thị Thu H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Phạm Thị Hiểu N, sinh ngày: 04/5/2004 và Phạm Ngọc Bảo K, sinh ngày: 15/12/2014 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông C cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/con/tháng đến khi con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2020.

Ông Phạm Duy C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người thi hành án không trả đủ số tiền nên trên thì hàng tháng người thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông Phạm Duy C và bà Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004034 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. P;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thảo Nguyên